TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 07 tháng 9 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 65

Môn: Phần V.1. Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

Ngày thi: 07/8/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Trần Văn An	8,00	Tám	34	Trần Hữu Khánh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Vũ Đức Anh	7,50	Bảy phẩy năm	35	Mai Thị Khuyên	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Bế Thị Ngọc Anh	8,00	Tám	36	Phùng Vinh Lưu	8,00	Tám
4	Nguyễn Thị Kim Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	37	Trần Văn Mười	8,00	Tám
5	Bế Văn Bắc	8,00	Tám	38	Hà Huyền Nga	8,00	Tám
6	Sầm Ngọc Bắc	7,00	Bảy	39	Nguyễn Xuân Ngân	8,00	Tám
7	Nguyễn Văn Bằng	8,25	Tám phẩy hai năm	40	Ma Thị Nghi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Bé	8,00	Tám	41	Hoàng Văn Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nông Thị Biên	8,25	Tám phẩy hai năm	42	Nông Thị Ngọc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Hoàng Bích Châu	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Lương Kim Oanh	8,00	Tám
11	Đỗ Kiên Cường	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nguyễn Lệ Phương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Đỗ Dim	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Chu Hùng Quốc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Tô Thị Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Nguyễn Hồng Quyên	8,00	Tám
14	Vũ Lê Dũng	8,25	Tám phẩy hai năm	47	Đàm Văn Quyền		**Thôi học**
15	Nguyễn Thùy Dương	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Hoàng Thị Quỳnh	8,00	Tám
16	Triệu Thị Hồng Đóa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Trương Ngọc San	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Nguyễn Văn Đông	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	Nguyễn Đình Sơn	8,25	Tám phẩy hai năm
18	Lê Ngọc Đức	8,00	Tám	51	Quách Hồng Sỹ	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Hoàng Văn Eng	7,00	Bảy	52	Hoàng Thị Tấm	8,00	Tám
20	Hoàng Ngọc Hà	8,00	Tám	53	Nguyễn Yên Thái	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Thu Hà	8,00	Tám	54	Nông Đình Thi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Vũ Thị Minh Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Nguyễn Quốc Thịnh	7,50	Bảy phẩy năm
23	Lôi Thị Hạnh		**Thôi học**	56	Nguyễn Trường Thông	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Triệu Thị Lan Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	57	Mã Nguyệt Thu	7,50	Bảy phẩy năm
25	Sầm Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Hoa Hữu Tình	7,50	Bảy phẩy năm
26	Trương Văn Hoàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Lương Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm

27	Phan Vũ Hoàng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Đinh Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Nông Đình Hồi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Trần Thị Mỹ Trang	7,50	Bảy phẩy năm
29	Nguyễn Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Hoàng Quang Trung	7,50	Bảy phẩy năm
30	Phạm Minh Hồng	8,00	Tám	63	Hoàng Quang Truyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Công Văn Huấn	7,00	Bảy	64	Đinh Minh Tú	7,75	Bảy phẩy bảy năm
32	Phương Quang Huy	6,50	Sáu phẩy năm	65	Hoàng Thị Ngọc Tuyết	8,00	Tám
33	Hoàng Quốc Khánh	8,00	Tám	66	Nông Thị Yến	8,00	Tám

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 7,00: 03 điểm; Điểm 7,25: 03 điểm; Điểm 7,50: 10 điểm;
Điểm 7,75: 19 điểm; Điểm 8,00: 19 điểm; Điểm 8,25: 09 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thư	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG